TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2022
V/ v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T 2, xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: 103 H thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T 2, xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang lao động xuất khẩu ở Nhật Bản. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ma Thị H kết hôn năm 2014, trước khi cưới có tìm hiểu nhau. Anh chị đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với bố mẹ anh tại T, xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, cuộc sống hôn nhân đầm ấm, hạnh phúc. Thời gian sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2017 chị H bỏ về nhà ngoại ở. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng khi chị H đi lao động xuất khẩu tại Nhật

Bản vào năm 2018, mặc dù được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều nhưng hai vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm được nữa, không ai có ý định vun vén níu kéo tình cảm vợ chồng. Bản thân anh cũng không còn yêu thương chị H, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Hải N, sinh ngày 03/3/2015. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 23/3/2022 và ngày 01/4/2022 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Ma Văn L và bà Nguyễn Thị H1 là bố mẹ đẻ của chị Ma Thị H; Địa chỉ: Xóm D, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Toà án, ông bà có thông tin cho chị H được biết việc anh Đ đang yêu cầu xin ly hôn với chị. Chị H có gọi điện trực tiếp về tại buổi làm việc ngày 01/4/2022 thông tin trao đổi với nội dung như sau:*"Về quan hệ hôn nhân chị H xác định vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ năm 2018 đến nay, chỉ có thời gian gần đây khi anh Đ làm thủ tục ly hôn vợ chồng mới liên lạc, trao đổi thông tin lại. Bản thân chị H xác định không còn tình cảm với anh Đ nhưng chị H không đồng ý ly hôn, do anh Đ không có sự tôn trọng chị. Chị có nguyện vọng làm tại Nhật Bản đến cuối năm 2022, nếu anh Đ đồng ý đoàn tụ với chị thì cuối năm 2022 chị sẽ về Việt Nam đoàn tụ với anh Đ để cùng nuôi dạy con chung. Về con chung: như anh Đ đã khai là đúng, hiện nay cháu N đang ở cùng với ông bà nội. Khi ly hôn anh Đ khai có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị cấp dưỡng. Chị H nhất trí không có ý kiến gì khác. Chị H xác định khi chị về nước chị cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, chị sẽ thỏa thuận lại với anh Đ về việc nuôi con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu. Về tài sản chung: Chị không đề nghị gì, nợ chung: Không có. Hiện nay chị đang ở nước ngoài không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với anh Đ được, chị có nguyện vọng giải quyết vắng mặt trong vụ án này"*.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị H; Con chung là Hoàng Hải N, sinh năm 2015 giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị H do anh Đ không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Anh Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 2746/CAT(PA01/XNC) về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: Công dân Ma Thị H, sinh ngày 20/01/1991 đã xuất cảnh ngày 04/02/2018 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, anh Hoàng Minh Đ chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị H là ông Ma Văn Lvà bà Nguyễn Thị H1, có đủ căn cứ xác định chị H vẫn liên hệ với gia đình nhưng gia đình cũng không cung cấp được địa chỉ của chị H và chị H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông L, bà H cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Hoàng Minh Đ và chị Ma Thị H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, nước Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh Đ khai: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian cùng chung sống hạnh phúc, vui vẻ, hòa thuận, ở tại nhà bố mẹ anh tại thôn T, xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Một thời gian sau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Xóm D xã B huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở. Đến Năm 2018 chị H đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chị H sang nước ngoài lao động xuất khẩu cũng không liên lạc gì với anh, cả hai không còn sự yêu thương, quan tâm chăm sóc đến nhau, cũng không ai có ý định níu kéo hay hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên cần ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía bị đơn chị H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng chị đã thể hiện ý kiến quan điểm của mình thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố mẹ ruột chị H), chị cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hiện không còn tình cảm vợ chồng và sự quan tâm đến nhau, nhưng do anh Đ không tôn trọng chị nên chị không đồng

ý ly hôn. Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị H đã thực sự trầm trọng, giữa vợ chồng không còn sự thương yêu và quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng không ai có ý muốn hàn gắn lại tình càm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân này. Bản thân chị H cũng xác định không còn tình cảm yêu thương với anh Đ, nhưng lại không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình đã không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh Đ và chị H khai vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Hải N, sinh ngày 03/3/2015. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ và sự ổn định cho các con khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 03/3/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với ý kiến của chị H và nguyện vọng của cháu N tại bản tự khai của cháu trong hồ sơ, cũng đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị H không có lời khai chính thức bằng văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm về đường lối giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều3 7, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hề hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hoàng Minh Đ. Anh Hoàng Minh Đ được ly hôn với chị Ma Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Hải N, sinh ngày 03/3/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H do anh Đ không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Hoàng Minh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000066 ngày 12/01/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thủy